

Thực trạng giáo dục người Điếc trưởng thành tỉnh Nam Định

Nguyễn Thị Kim Hoa¹, Phạm Thị Trang²

¹ Email: hoantk@vnies.edu.vn

² Email: trangpt@vnies.edu.vn

Viện Khoa học Giáo dục Việt Nam
101 Trần Hưng Đạo, Hoàn Kiếm,
Hà Nội, Việt Nam

TÓM TẮT: Bài viết trình bày những phát hiện chính trong khảo sát thực trạng giáo dục người Điếc tỉnh Nam Định, bao gồm: cơ cấu, tỉ lệ người Điếc; tình trạng sinh sống; tình trạng giáo dục và hỗ trợ, tình trạng can thiệp, đặc điểm của người Điếc trưởng thành, các nhu cầu hỗ trợ và hiểu biết về chính sách dành cho NKT. Kết quả khảo sát là cơ sở quan trọng để đưa ra các đề xuất với chính quyền, ngành Giáo dục, các tổ chức dân sự nhằm cải thiện chất lượng giáo dục, chất lượng sống cho người Điếc ở Nam Định nói riêng và cộng đồng người Điếc ở Việt Nam nói chung.

TỪ KHÓA: Người Điếc, giáo dục cho người Điếc, chính sách cho người khuyết tật.

→ Nhận bài 06/10/2021 → Nhận bài đã chỉnh sửa 20/10/2021 → Duyệt đăng 05/11/2021.

1. Đặt vấn đề

Báo cáo của Tổ chức Y tế Thế giới (WHO) về Điếc và mất thính lực cho thấy, có khoảng 20% dân số thế giới có vấn đề về nghe - tức khoảng 1.5 tỉ dân. Trong đó, khoảng 1.16 tỉ dân suy giảm thính lực ở mức độ nhẹ. Tuy nhiên, có khoảng 400 triệu người bị suy giảm thính lực ở mức trung bình đến nặng và 30 triệu người bị suy giảm thính lực ở mức sâu hoặc mất hoàn toàn thính lực cả hai tai - tức khoảng 5.5% dân số thế giới [1] (P40). Tại Việt Nam, Báo cáo Điều tra Quốc gia về Người khuyết tật (NKT) Việt Nam 2016 cho thấy, có 7% dân số từ 2 tuổi trở lên là NKT, chiếm khoảng 6,2 triệu người, trong đó có 0,22% trẻ khuyết tật nghe [2] (P5). Nghe là chức năng quan trọng của mọi người. Mất, giảm chức năng nghe có thể có tác động nghiêm trọng đến khả năng giao tiếp, học tập và hòa nhập của con người. Do vậy, tìm hiểu thực trạng giáo dục (GD) người Điếc là việc làm vô cùng quan trọng để làm căn cứ xây dựng các kế hoạch hỗ trợ người Điếc tiếp cận các chính sách cho NKT, tiếp cận GD, tiếp cận việc làm nhằm cải thiện chất lượng GD và cuộc sống cho người Điếc, giúp họ hòa nhập cộng đồng có chất lượng. Nghiên cứu này tập trung tìm hiểu thực trạng GD người Điếc tỉnh Nam Định để đưa ra các đề xuất, khuyến nghị với các cấp chính quyền, ngành GD và các tổ chức dân sự để nâng cao chất lượng GD cho cộng đồng người Điếc tỉnh Nam Định nói riêng và người Điếc Việt Nam nói chung.

2. Nội dung nghiên cứu

2.1. Giới thiệu chung về khảo sát thực trạng

2.1.1. Mục đích khảo sát

Khảo sát nhằm thu thập số liệu về người điếc trưởng thành của tỉnh Nam Định nhằm đưa ra các đề xuất, khuyến nghị với chính quyền, ngành GD, các tổ chức

dân sự để cải thiện chất lượng GD cho người Điếc nơi đây.

2.1.2. Đối tượng khảo sát

Quá trình GD người Điếc tỉnh Nam Định.

2.1.3. Mẫu khảo sát

Khảo sát được tiến hành trên 42 người Điếc trưởng thành và 4 người giám hộ của người lớn Điếc sinh sống trên địa bàn tỉnh Nam Định.

2.1.4. Công cụ khảo sát

Bộ công cụ khảo sát gồm: 1/ Phiếu hỏi NKT; 2/ Phiếu phỏng vấn NKT; 3/ Phiếu hỏi người giám hộ; 4/ Phiếu phỏng vấn người giám hộ.

- *Phiếu hỏi NKT:* 1/ Tìm hiểu các thông tin chung về: Tên, tuổi, giới tính, dạng khuyết tật, mức độ khuyết tật, tình trạng GD, việc làm, hôn nhân và kinh tế; 2/ Tìm hiểu khả năng và nhu cầu của NKT về các nội dung chăm sóc, GD và phục hồi chức năng; 3/ Tìm hiểu nhận thức của NKT về các chính sách hiện có.

- *Phiếu phỏng vấn NKT* (chỉ dành cho NKT có trình độ từ lớp 5 trở lên) tìm hiểu sâu thêm ý kiến của họ về điều kiện chăm sóc GD, phục hồi chức năng, hiểu biết và đánh giá việc thực hiện chính sách dành cho NKT và đề xuất của họ về các nội dung đề cập trên.

- *Phiếu hỏi người giám hộ:* 1/ Tìm hiểu thông tin chung về người giám hộ: tên, tuổi; giới tính; nghề nghiệp và điều kiện kinh tế; 2/ Tìm hiểu về kiến thức, kỹ năng chăm sóc, GD, phục hồi chức năng NKT mà người giám hộ đang có; 3/ Tìm hiểu về hiểu biết của người giám hộ về chính sách ưu tiên dành cho NKT.

- *Phiếu phỏng vấn người giám hộ* (chỉ dành cho người giám hộ có trình độ từ lớp 5 trở lên) tìm hiểu sâu thêm ý

kiến của họ về khả năng chăm sóc GD NKT, đánh giá của họ về việc thực hiện chính sách ưu tiên dành cho NKT.

2.1.5. Phương pháp khảo sát

- *Điều tra bằng bảng hỏi:* Nhằm thu thập thông tin về thực trạng GD người Điếc tỉnh Nam Định, nhóm điều tra gồm các cán bộ nghiên cứu và người lớn Điếc của Ban vận động người Điếc, phiên dịch ngôn ngữ kí hiệu (NNKH) đã tiến hành trao đổi, thống nhất kế hoạch với đại diện nhóm người Điếc trưởng thành tỉnh Nam Định. Nhóm nghiên cứu đã xây dựng video hướng dẫn thực hiện phiếu khảo sát bằng NTKH kết hợp với giải thích, làm mẫu, giải đáp thắc mắc để các khách thể có thể tham gia trả lời phiếu. Trong trường hợp cần thiết, người giám hộ có thể hỗ trợ người Điếc hoàn thành phiếu hỏi.

- *Phỏng vấn sâu:* Nhóm nghiên cứu trao đổi với khách thể về mục đích, quy trình, nội dung phỏng vấn, giải đáp thắc mắc. Sau đó các khách thể được làm việc 1:1 với sự hỗ trợ của phiên dịch NTKH để hoàn thành các nội dung đã được xây dựng trong từng phiếu phỏng vấn.

2.2. Những phát hiện chính

2.2.1. Cơ cấu số lượng và mức độ khuyết tật

Có 42 người Điếc tham gia khảo sát. Trong đó, có 2 người điếc 2 - 18 tuổi và 40 người điếc nằm trong độ tuổi từ 19 - 60. Không có người Điếc trên 60 tuổi tham gia khảo sát (xem Bảng 1).

Bảng 1: Tỷ lệ người Điếc được cấp giấy chứng nhận khuyết tật

Mức độ khuyết tật và số lượng	Giấy chứng nhận		Tổng	
	Không	Có		
Nhẹ	Số lượng	7	2	9
	Tỷ lệ	16.67%	4.76%	21.43%
Nặng	Số lượng	14	15	29
	Tỷ lệ	33.33%	35.71%	69.05%
Đặt biệt nặng	Số lượng	3	1	4
	Tỷ lệ	7.14%	2.38%	9.52%
Tổng	Số lượng	24	18	42
	Tỷ lệ	57.14%	42.86%	100.00%

Trong số 42 người Điếc tham gia khảo sát có 18 người (chiếm 42,50%) được cấp giấy xác nhận khuyết tật và 24 người (57,50%) chưa có giấy xác nhận khuyết tật. Quá trình tham gia khảo sát cho thấy, 100% người Điếc sử dụng NTKH địa phương để giao tiếp, không sử dụng được ngôn ngữ nói, khả năng đọc hiểu thông tin còn nhiều hạn chế. 2/18 người Điếc không có khả năng nghe, nói phải giao tiếp hoàn toàn bằng NTKH

(NNKH) được xác định là khuyết tật nghe, nói mức độ nhẹ. Hiện tượng người Điếc chưa được xác định khuyết tật hoặc xác định mức độ khuyết tật chưa chính xác dẫn đến hệ quả họ không được thụ hưởng các chính sách ưu đãi dành cho NKT.

Một số nguyên nhân của việc chưa có giấy xác nhận khuyết tật của người Điếc như sau: *Tôi không biết. Trước đây chưa ai nói với tôi về giấy đó; Tại sao tôi phải cần có nó? Giấy này có tác dụng gì? Tôi không biết phải xin giấy xác nhận khuyết tật ở đâu? Tôi cũng không biết có giấy này không, mọi giấy tờ của tôi đều do bố mẹ giữ...Bố mẹ tôi cũng không biết. Làm thế nào để tôi có giấy xác nhận khuyết tật?*

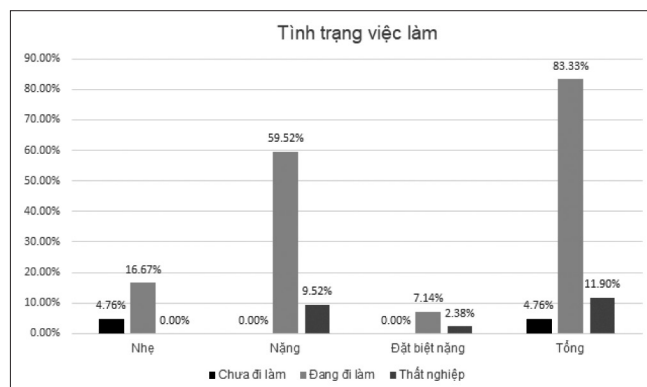
Kết quả khảo sát cho thấy, người Điếc không chỉ gặp khó khăn về năng lực tiếp cận thông tin của bản thân (sử dụng NTKH, không sử dụng được ngôn ngữ nói, hạn chế về đọc hiểu) mà còn gặp khó khăn trong việc tìm kiếm và tiếp cận các nguồn thông tin liên quan đến chính sách, quyền lợi cho NKT tại địa phương. Điều này cho thấy, người Điếc là nhóm đối tượng khó tiếp cận với các thông tin về quyền, chính sách dành cho NKT.

2.2.2. Tình trạng sinh sống của người lớn Điếc

a. Điều kiện sinh sống

Kết quả điều tra cho thấy, phần lớn người Điếc đang sống cùng gia đình (chiếm 90,47%); 03 người sống ở cơ sở bảo trợ do đang học nghề tại đó và 01 người là học sinh của Trường Trẻ em khuyết tật huyện Giao Thủy. 29% người Điếc sống trong điều kiện nghèo hoặc cận nghèo. 71% người Điếc sống trong điều kiện kinh tế bình thường. Đây là con số khá chênh lệch với kết quả điều tra quốc gia NKT Việt Nam 2016 [1], NKT sống trong điều kiện nghèo đa chiều là 17,8%.

b. Tình trạng việc làm



Biểu đồ 1: Tình trạng việc làm của người lớn Điếc

Có 02 người Điếc chưa đi làm do đang đi học và chưa đủ 18 tuổi; 40 người điếc còn lại đang hoặc đã từng đi làm (xem Biểu đồ 1). So với nhóm khuyết tật khác trong độ tuổi lao động thì người Điếc là nhóm có việc làm nhiều nhất. 05 người đã từng đi làm nhưng hiện

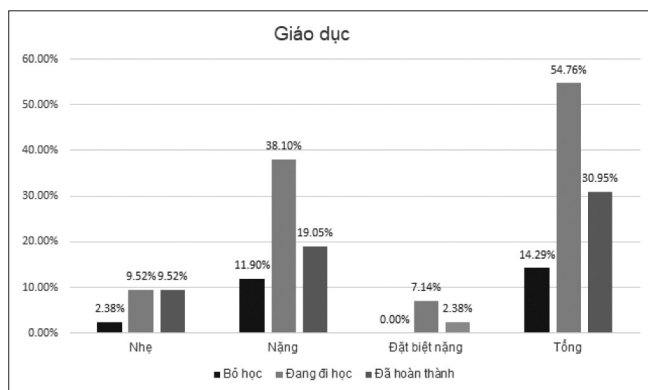
ngiht việc do các nguyên nhân sau: “Lương chỗ làm trả thấp nên gia đình bảo nghỉ ở nhà để làm việc nhà” hoặc “Chán công việc hiện tại nên đang đi tìm việc khác”. 35 người đang đi làm hiện làm chủ yếu các công việc sau: làm công nhân may ở khu công nghiệp; nhân viên bán hàng của chuỗi cửa hàng Tokyolife; thợ cơ khí, thợ đóng tàu, thợ đánh máy... với thu nhập trung bình từ 5 - 7 triệu đồng/tháng. Người thu nhập nhiều nhất được 12 triệu đồng/tháng là anh A. Qua phỏng vấn được biết, anh A hiện làm thợ cơ khí cho công ti của gia đình. Hiện tại, công ti cũng đang có thêm 1 lao động là người Điếc khác. Theo anh A nhận định, khả năng làm thợ cơ khí của người Điếc tốt. Nhìn chung, người Điếc cho rằng, nếu được đào tạo nghề phù hợp, khả năng lao động của người Điếc không khác gì người nghe.

c. Tình trạng hôn nhân

Kết quả khảo sát cho thấy, 17/42 người Điếc đang sống độc thân. 25 người còn lại đang có cuộc sống hôn nhân ổn định. Phần lớn người Điếc lập gia đình với người Điếc. Khi được hỏi về vấn đề này, người Điếc cho rằng, có những nguyên nhân sau đây: 1/ Người Điếc lấy nhau sẽ hiểu nhau dễ hơn vì cùng sử dụng NNNH; 2/ Môi trường giao tiếp chỉ quen biết người Điếc; 3/ Người Điếc có nhiều người tốt hơn người nghe. Nhìn chung, người Điếc khá hài lòng về cuộc sống hôn nhân của họ. Không có sự khác biệt nào về mức độ điếc với tình trạng hôn nhân, hay nói một cách khác mức độ điếc không là yếu tố ảnh hưởng đến tình trạng hôn nhân của người Điếc.

2.2.3. Tình trạng giáo dục và hỗ trợ giáo dục

a. Tình trạng GD

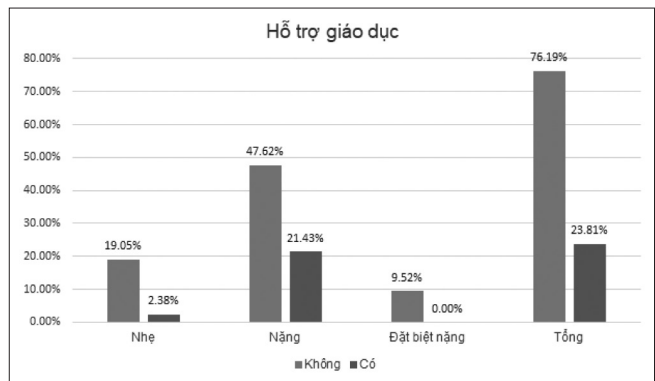


Biểu đồ 2: Tình trạng GD của người Điếc

Một điều đáng mừng là 100% người Điếc tham gia khảo sát đều được đi học (xem Biểu đồ 2). Trong đó, 54,76% người Điếc đang tham gia các chương trình học nghề, 30,95% người Điếc đã hoàn thành chương trình tiểu học (trình độ tương đương với lớp 3 về kĩ năng đọc, viết và tính toán), 14,29% người Điếc đã dừng việc học nửa chừng (02 người Điếc đã học hết lớp 8 ở Hà Nội)

để tham gia lao động, sản xuất. 100% người Điếc đều học tại cơ sở chuyên biệt, cùng với các bạn Điếc. Có 5/42 người Điếc từng học hòa nhập ở trường tiểu học một thời gian ngắn rồi nghỉ xin học ở trường chuyên biệt. Lí do họ đưa ra là: không giao tiếp được với thầy/cô giáo và các bạn, không hiểu bài, không biết phải làm gì, bị bắt nạt, không vui....Người Điếc thích được học ở trường chuyên biệt vì được sử dụng NNNH, các bạn hiểu nhau, chơi với nhau và giúp đỡ nhau học tập. Người Điếc cho rằng, học cùng với người Điếc là môi trường phù hợp để phát triển.

b. Hỗ trợ GD



Biểu đồ 3: Tình trạng hỗ trợ GD người lớn Điếc

Mặc dù 100% người điếc đã và đang tham gia GD nhưng chỉ 23,81% số người Điếc tham gia khảo sát được hỗ trợ GD. Số người Điếc không được hỗ trợ GD cao gấp 3,2 lần (xem Biểu đồ 3). Điều đáng chú ý là tất cả người Điếc ở mức độ đặc biệt nặng đều cho rằng, mình tham gia GD như các bạn khác mà không nhận được sự hỗ trợ GD thêm nào. Nam Định có 02 cơ sở GD NKT là Trường Trẻ em khuyết tật Giao Thủy và Trung tâm Bảo trợ xã hội tổng hợp tỉnh Nam Định. Tuy nhiên, cả hai cơ sở tiếp nhận NKT nghe - nói của tỉnh Nam Định chỉ dạy chương trình Tiểu học tương đương với trình độ lớp 3.

2.2.4. Tình trạng can thiệp

Kết quả khảo sát thu được ở Bảng 2 cho thấy: 2/42 người Điếc được can thiệp y tế; 7/42 người Điếc được can thiệp GD lúc còn nhỏ; 11/42 người được nhận trợ cấp xã hội và 24/42 người được nhận những hỗ trợ khác: như tặng quà những dịp lễ tết, được các mạnh thường quân ở địa phương, theo các chương trình nhân đạo hỗ trợ. Trong đó, 18 người Điếc được cấp giấy xác nhận khuyết tật chỉ có 11 người được xác nhận loại nặng và đặc biệt nặng, nhận trợ cấp xã hội; 7 người Điếc được xác định loại nhẹ nên không được hưởng trợ cấp xã hội. Bên cạnh đó, kết quả khảo sát cho thấy, nhìn chung người Điếc sống trong điều kiện nghèo và cận nghèo hạn chế cơ hội tiếp cận với các dịch vụ can thiệp GD, y tế, trợ giúp y tế và các dịch vụ khác.

Bảng 2: Tình trạng can thiệp của người Điếc theo mức độ khuyết tật

Tình trạng can thiệp		Số lượng	Mức độ khuyết tật			Tổng
			Nhẹ	Nặng	Đặt biệt nặng	
Can thiệp GD	Không	Số lượng	9	22	4	35
		Tỉ lệ	21.43%	52.38%	9.52%	83.33%
	Có	Số lượng	0	7	0	7
		Tỉ lệ	0.00%	16.67%	0.00%	16.67%
Can thiệp y tế	Không	Số lượng	9	27	4	40
		Tỉ lệ	21.43%	64.29%	9.52%	95.24%
	Có	Số lượng	0	2	0	2
		Tỉ lệ	0.00%	4.76%	0.00%	4.76%
Trợ giúp y tế	Không	Số lượng	7	20	4	31
		Tỉ lệ	16.67%	47.62%	9.52%	73.81%
	Có	Số lượng	2	9	0	11
		Tỉ lệ	4.76%	21.43%	0.00%	26.19%
Khác	Không	Số lượng	2	16	0	18
		Tỉ lệ	4.76%	38.10%	0.00%	42.86%
	Có	Số lượng	7	13	4	24
		Tỉ lệ	16.67%	30.95%	9.52%	57.14%

2.2.5. Đặc điểm của người Điếc trưởng thành

a. Nhận thức

Về phát triển nhận thức, 11/42 người Điếc nhận thấy mình phát triển bình thường, các mốc phát triển đúng độ tuổi và tự tin vào nhận thức của mình; 27 người chiếm 64% nhận thấy mình chậm hơn và 4 người thấy mình chậm hơn nhiều so với người không khuyết tật.

Bảng 3: Mức độ phát triển ngôn ngữ giao tiếp của người Điếc

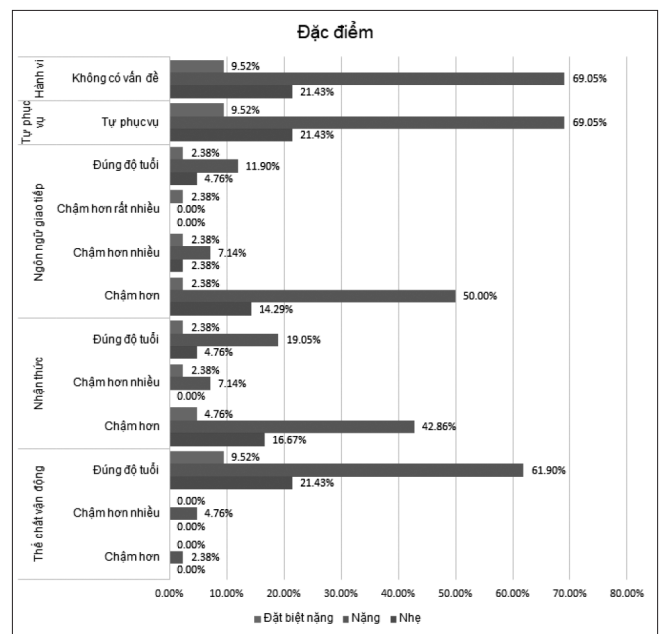
Mức độ khuyết tật	Đúng độ tuổi		Chậm hơn		Chậm hơn nhiều		Chậm hơn rất nhiều	
	SL	TL	SL	TL	SL	TL	SL	TL
Nhẹ	2	4.88%	6	14.63%	1	2.44%	0	0%
Nặng	5	12.19%	20	48.78%	3	7.32%	1	0%
Đặc biệt nặng	1	2.44%	1	2.44%	1	2.44%	1	2.44%
Tổng	8	19%	27	64%	5	12%	2	5%

Họ cho rằng, ngôn ngữ hạn chế chính là rào cản về khả năng nhận thức của bản thân.

b. Ngôn ngữ - giao tiếp

Theo kết quả khảo sát ở Bảng 3 cho thấy, chỉ có rất ít người Điếc (19%) đánh giá bản thân có khả năng ngôn ngữ - giao tiếp tương đương với độ tuổi. Số còn lại đều cho rằng, khả năng ngôn ngữ - giao tiếp của bản thân chậm hơn, hoặc chậm hơn rất nhiều so với yêu cầu của độ tuổi. Họ tự nhận thấy bản thân gặp rất nhiều khó khăn trong việc sử dụng NNKH để giao tiếp với những người nghe xung quanh. Việc giao tiếp bằng chữ viết cũng không hiệu quả do những hạn chế về đọc hiểu và diễn đạt lộn xộn.

c. Các vấn đề khác



Biểu đồ 4: Tương quan giữa mức độ điếc và đặc điểm của người Điếc

100% người lớn Điếc tham gia khảo sát đều nhận định bản thân hoàn toàn có khả năng tự phục vụ và không có vấn đề về hành vi (xem Biểu đồ 4). Đối với vấn đề thể chất, 93% người lớn Điếc có thể chất phát triển bình thường, 5% có thể chất chậm hơn và 2% có thể chất chậm hơn nhiều.

Người Điếc tự nhận thấy bản thân có khả năng tự phục vụ, hành vi và vận động không thua kém người nghe nhưng rất hạn chế về nhận thức và ngôn ngữ. Trong đó, mức độ điếc là một trong các yếu tố ảnh hưởng chính đến khả năng nhận thức và kỹ năng ngôn ngữ, giao tiếp ở người Điếc. Điều kiện kinh tế không phải là yếu tố ảnh hưởng đến đặc điểm của người Điếc.

2.2.6. Nhu cầu hỗ trợ

74% người Điếc có nhu cầu ưu tiên được hỗ trợ về bảo hiểm xã hội và chăm sóc y tế 45%. Ưu tiên thứ ba trong nhu cầu hỗ trợ của người Điếc là học nghề. Cuối cùng là nhu cầu được hỗ trợ các phương tiện, thiết bị như điện thoại, máy tính bảng, ipad để họ có thể tiếp cận các nguồn thông tin, kết nối với các bạn trong cộng đồng người Điếc được thường xuyên và hiệu quả hơn.

Phỏng vấn sâu người Điếc cho thấy, họ có nhu cầu cấp bách được cấp bảo hiểm xã hội, chăm sóc y tế nhằm mong muốn bản thân là NKT sẽ được hưởng các chính sách, quyền lợi cho NKT. Đặc biệt, với một số trường hợp người Điếc mắc bệnh mãn tính, cần khám chữa định kỳ và lâu dài thì có bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế là một trong những điều kiện tiên quyết, quan trọng để họ có thể tiếp cận được với dịch vụ chăm sóc sức khỏe, giảm bớt gánh nặng tự chi trả cho việc khám chữa bệnh.

2.2.7. Hiểu biết về chính sách

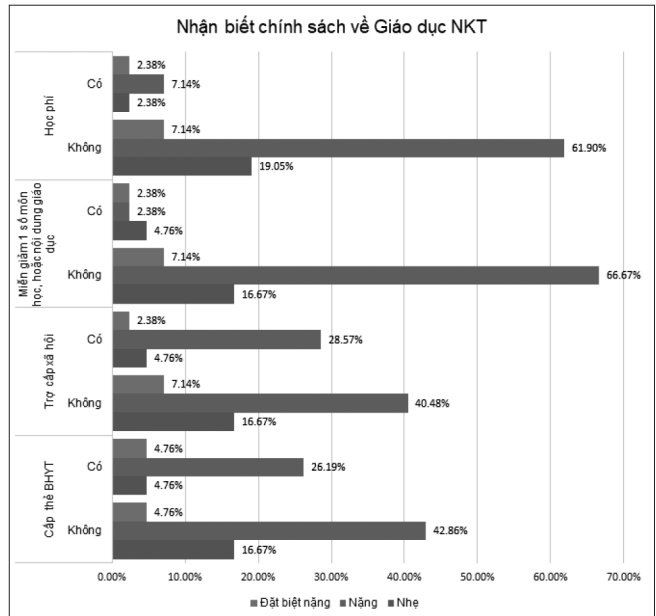
Tìm hiểu những hiểu biết chính sách cho thấy: 22/42 người Điếc không biết về các chính sách dành cho NKT và gia đình NKT (xem Bảng 4). Điều này hoàn toàn lí giải tại sao nhiều người điếc chưa được cấp giấy xác nhận khuyết tật và mức độ khuyết tật.

Bảng 4: Hiểu biết về chính sách của người điếc

Mức độ KT	Hiểu biết			
	Không		Có	
	SL	TL(%)	SL	TL(%)
Nhẹ	4	9.52%	5	11.91%
Nặng	16	38.1%	13	30.95%
Đặc biệt nặng	0	0%	4	9.52%
Tổng	20	48%	22	52%

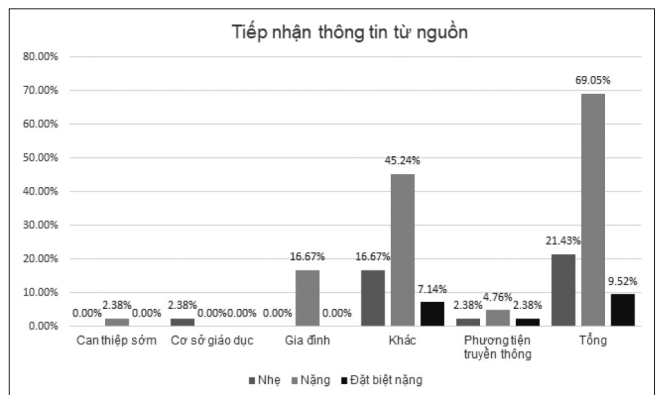
Trong số các chính sách hiện hành NKT biết đến nhiều hơn là các chính sách bảo trợ như: trợ cấp xã hội dành cho NKT như: NKT nặng và đặc biệt nặng được nhận trợ cấp hàng tháng. NKT được cấp thẻ bảo hiểm y tế, được khám chữa bệnh định kỳ miễn phí. Rất ít NKT biết các chính sách liên quan đến GD như: miễn giảm, một

số nội dung GD, miễn giảm học phí hay ưu tiên tuyển sinh. Lí giải điều này NKT cho rằng, vì mình đã ở tuổi trưởng thành nên có thể không quan tâm lắm đến các thông tin về GD (xem Biểu đồ 5).



Biểu đồ 5: Nhận biết chính sách của người Điếc

Những người có hiểu biết về chính sách nói rằng, họ biết được nhờ kênh chính quyền địa phương (xem Biểu đồ 6). Thông tin đến từ cán bộ phụ trách công tác lao động xã hội của xã. Một kênh nữa là từ trao đổi với các bạn trong nhóm Điếc. Họ không biết thông tin từ gia đình hay các nguồn phương tiện thông tin đại chúng. Với những người Điếc có giấy xác nhận khuyết tật, họ đánh giá cao vai trò cán bộ lao động thương binh xã hội của xã/phường. Theo họ, đây là nguồn thông tin quý giá giúp họ biết được về các chính sách mà học được hưởng. Nếu gặp khó khăn gì họ sẽ tìm đến những người này để được giúp đỡ.



Biểu đồ 6: Nguồn thông tin giúp người Điếc tiếp cận chính sách

31/42 người Điếc (74%) nhận định không nhận thấy

sự phối hợp giữa các lực lượng cộng hay chính quyền phối hợp chặt chẽ trong công tác chăm sóc GD NKT ở địa phương (xem Bảng 5).

Bảng 5: Đánh giá của người Điếc về sự phối hợp các lực lượng trong GD người điếc

		Phối hợp của cộng đồng		Phối hợp của địa phương	
		Có	Không	Có	Không
Hộ nghèo	Số lượng	3	2	3	2
	Tỉ lệ	7.14%	4.76%	7.14%	4.76%
Hộ cận nghèo	Số lượng	2	5	2	5
	Tỉ lệ	4.76%	11.90%	4.76%	11.90%
Khác	Số lượng	6	24	6	24
	Tỉ lệ	14.29%	57.14%	14.29%	57.14%
Tổng	Số lượng	11	31	11	31
	Tỉ lệ	26.19%	73.81%	26.19%	73.81%

3. Kết luận và khuyến nghị

3.1. Kết luận

Phần lớn người Điếc tham gia khảo sát đều là người đã trưởng thành từ 19 - 30 tuổi. Số người Điếc nam nhiều hơn người Điếc nữ. Phần lớn người điếc tham gia khảo sát ở mức độ nặng.

Tất cả người Điếc tham gia khảo sát đều sử dụng NNKH địa phương trong giao tiếp và đều hạn chế về khả năng đọc hiểu thông tin. Có đến 81% người Điếc tự nhận thấy khả năng ngôn ngữ - giao tiếp của mình đều chậm hơn; chậm hơn nhiều hoặc chậm hơn rất nhiều so với độ tuổi, gây khó khăn trong việc tham gia các hoạt động xã hội, tiếp cận nguồn thông tin tại địa phương, đặc biệt trong các vấn đề liên quan đến chính sách, quyền lợi của NKT. Tuy nhiên, 100% người Điếc đều cho rằng, các kĩ năng tự phục vụ hay hành vi đều có sự phát triển như những người nghe khác. 57.14% người Điếc tham gia khảo sát chưa được cấp giấy chứng nhận khuyết tật và mức độ khuyết tật. Vì thế, những người này chưa được hưởng chế độ gì dành cho NKT. Nguyên nhân của hiện trạng trên do họ không có thông tin, không biết quyền lợi của mình. Họ cho biết chưa được ai trao đổi thông tin hay hướng dẫn về quy trình xin xác định khuyết tật và mức độ khuyết tật.

Về tình trạng GD: tất cả người Điếc đều đã, đang tham gia các các chương trình GD. Trong đó, phần lớn đã hoàn thành hết chương trình lớp 3, GD tiểu học. Chưa có người điếc nào học hết cấp Trung học cơ sở và các cấp, bậc học cao hơn.

Rất ít người Điếc đã nhận được can thiệp sớm và can thiệp y tế khi còn nhỏ. Phần lớn người Điếc nghĩ rằng, đây là nguyên nhân khiến họ không có cơ hội để phát triển tốt nhất.

Phần lớn người Điếc hiện đang có việc làm với thu nhập bình quân từ 5 - 7 triệu đồng/tháng. Theo tự đánh giá của người Điếc với mức thu nhập này học có thể nuôi sống bản thân. Người Điếc tham gia khảo sát có cuộc sống hôn nhân ổn định với bạn đời chủ yếu cũng là người Điếc. Hơn 90% người Điếc đang sống cùng với gia đình mình, chỉ có số ít đang sống tại cơ sở bảo trợ hoặc trường chuyên biệt do họ đang là học sinh hoặc hoặc học viên ở đó. 29% người điếc đang sống trong điều kiện nghèo và cận nghèo. Đây là tỉ lệ rất cao so với người không khuyết tật.

Về nhu cầu và mong muốn của người Điếc: Người Điếc có nhu cầu cao được hỗ trợ về bảo hiểm xã hội và y tế. Họ mong muốn được giảm chi phí trong việc khám, chữa, điều trị các bệnh mạn tính, định kì. Mặc dù ở tuổi trưởng thành, người Điếc vẫn mong muốn được tiếp tục học tập ở các cấp học cao hơn. Họ đề xuất được học thêm NNKH để có thể giao lưu và mở rộng quan hệ với các bạn điếc khắp mọi miền tổ quốc. Người Điếc cũng mong muốn được học thêm nhiều nghề để có cơ hội lựa chọn và tăng thu nhập, cải thiện chất lượng cuộc sống. Hơn 50% người Điếc có hiểu biết chính sách dành cho NKT. Tuy nhiên, họ đánh giá sự phối hợp các lực lượng và tổ chức trong quá trình GD NKT là chưa chặt chẽ.

3.2. Khuyến nghị

Tạo cơ chế phối hợp giữa các ngành Lao động - Thương binh và xã hội, Y tế, GD để đảm bảo quyền lợi của người Điếc bằng cách: Đa dạng hóa phương thức thể hiện các nguồn thông tin để người Điếc có thể tiếp cận nhanh, đầy đủ và chính xác; thúc đẩy cấp giấy xác nhận NKT; mở rộng chức năng và nâng cấp 2 cơ sở GD cho NKT để đáp ứng nhu cầu học tập của người Điếc.

Tăng cường cơ hội tiếp cận GD cho người Điếc ở các bậc học khác nhau; xây dựng và triển khai Đề án nâng cấp Trường Khuyết tật Giao Thủy thành Trung tâm phát triển và hỗ trợ GD NKT của tỉnh. Bên cạnh đó, tăng cường phối hợp liên ngành với ngành Y tế để tăng cường phát hiện sớm, can thiệp sớm và thúc đẩy GD nghề nghiệp cho người Điếc tại các cơ sở GD, đáp ứng nhu cầu nhân lực lao động của thị trường. Các tổ chức dân sự thúc đẩy vai trò của các câu lạc bộ người Điếc để người Điếc có cơ hội tiếp cận, cập nhật thông tin, đảm bảo quyền lợi của bản thân, phát triển khả năng sử dụng NNKH, học nghề và hòa nhập cộng đồng.

Tài liệu tham khảo

- [1] Tổng cục Thống kê, (2019), *Báo cáo điều tra quốc gia người khuyết tật Việt Nam 2016*. [3] Tổng cục Dân số và Unicef Việt Nam, (2019), *Trẻ em khuyết tật ở Việt Nam*.
- [2] WHO, (2021), *World report on hearing*.
-

CURRENT STATUS OF EDUCATION FOR THE DEAF IN NAM DINH PROVINCE

Nguyen Thi Kim Hoa¹, Pham Thi Trang²

¹ Email: hoantk@vnies.edu.vn

² Email: trangpt@vnies.edu.vn

The Vietnam National Institute of Educational Sciences
101 Tran Hung Dao, Hoan Kiem, Hanoi, Vietnam

ABSTRACT: *This article presents the significant findings from a survey on educating deaf people in Nam Dinh province, including: structure and proportion of the deaf; their living status; current status of education, support and intervention status; characteristics of the deaf adults, and their supporting needs; and awareness on policies for people with disabilities. The survey results play an essential role in offering recommendations to the authorities, education sectors, and civil organizations with the aim of improving the educational and life quality for the deaf in Nam Dinh in particular and the deaf' community in Vietnam in general.*

KEYWORDS: *The deaf, education for deaf people, policy for people with disabilities.*

LỜI CẢM ƠN

**Cuốn Tạp chí này được xuất bản với sự hỗ trợ tài chính
của tổ chức Angel's Haven (AH), Hàn Quốc và
Hiệp hội Vì giáo dục cho mọi người Việt Nam (VAEFA)**